

DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của UBND phường)

DVT: nghìn đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			DT điều chỉnh tăng bổ sung chi cuối năm 2025	Dự toán điều chỉnh chi phường giao	Trong đó		Chênh lệch so với dự kiến dự toán tính giao	
		Tổng cộng	DT đã thực hiện chi 6 tháng đầu năm	Dự toán chi 6 tháng cuối năm 2025			DT đã thực hiện 6 tháng đầu năm	Dự toán chi 6 tháng cuối năm		
									Số tiền	Đạt
A	B	2=4+7	4=5+6	7					8=(1)-(2)	9=2/1
	TỔNG CHI (I+II+III+IV+V)	343.734.545	176.321.105	167.413.440	16.018.500	359.753.045	176.321.105	175.819.940	62.733.045	121,12
I. Chi đầu tư phát triển		6.312.000		6.312.000	1.300.000	7.612.000				
	- Nguồn vốn khác (từ nguồn vốn cấp huyện trước 01/7/2025)	6.312.000		6.312.000	1.300.000	7.612.000	-	7.612.000		
II. Chi thường xuyên		300.197.148	176.321.105	123.876.043	18.989.927	319.187.075	176.321.105	142.865.970	62.922.075	124,55
1	Chi cho công tác DQTV, TTATXH	18.422.221	11.746.141	6.676.080		18.422.221	11.746.141	6.676.080	-	
	- Chi công tác Quốc phòng	11.936.412	8.450.153	3.486.259		11.936.412	8.450.153	3.486.259		
	- Chi trật tự an toàn xã hội (an ninh)	6.485.809	3.295.988	3.189.821		6.485.809	3.295.988	3.189.821		
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	110.971.480	46.188.497	64.782.983	4.691.376	115.662.856	46.188.497	69.474.359		
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				450.000	450.000		450.000		
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin và thể thao	6.117.275	5.017.275	1.100.000	255.000	6.372.275	5.017.275	1.355.000		
5	Chi y tế	46.926	46.926	-		46.926	46.926	-		
6	Chi phát thanh truyền hình	335.034	235.034	100.000		335.034	235.034	100.000		
7	Chi các hoạt động kinh tế	34.829.560	22.273.621	12.555.939	1.144.682	35.974.242	22.273.621	13.700.621		
8	Chi sự nghiệp môi trường	6.764.683	3.048.896	3.715.787	-	6.764.683	3.048.896	3.715.787		
9	Chi quản lý QLNN, Đảng, đoàn thể	108.617.351	77.908.409	30.708.942	7.156.113	115.773.464	77.908.409	37.865.055		
10	Chi cho công tác đảm bảo xã hội	13.992.618	9.856.306	4.136.312	5.154.388	19.147.006	9.856.306	9.290.700		
11	Chi khác	100.000		100.000	138.368	238.368	-	238.368		
III	Nguồn CCTL	25.800.520		25.800.520	523.133	26.323.653	-	26.323.653	(2.119.347)	92,55
IV	Chi từ nguồn thu kết dư 2024	4.794.560		4.794.560	(4.794.560)	-	-	-		
V	Dự phòng	6.630.317	-	6.630.317		6.630.317	-	6.630.317	630.317	110,51